

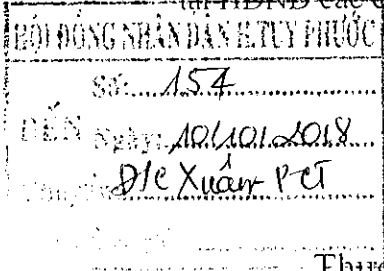
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **91** /HĐND

Bình Định, ngày 09 tháng 10 năm 2018

V/v hướng dẫn tổ chức lấy phiếu tín nhiệm
tại HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021



Kính gửi: Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn, ngày 02/10/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Hướng dẫn số 321/HD-UBTVQH14 hướng dẫn một số nội dung về tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021 và Công văn số 322/UBTVQH14-CTĐB về tài liệu tham khảo thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu; trên cơ sở đó, Thường trực HĐND tỉnh sao gửi đến Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời đề nghị Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục sao gửi đến Thường trực HĐND cấp xã trong phạm vi cấp huyện, thị xã, thành phố để thống nhất tổ chức triển khai thực hiện theo Hướng dẫn và Công văn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã gửi (Có photo Hướng dẫn và Công văn gửi kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- LĐ các Ban HĐND tỉnh;
- Tổ trưởng các Tổ đại biểu;
- VP HĐND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Phòng HC-TC-QT;
- Lưu VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đình Thú

Số: 321 /HD-UBTVQH14

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2018

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH	
CÔNG	Số:.....2310.....
VĂN	Ngày:.....04/10/2018.....
ĐẾN	Kính Chuyển:.....

HƯỚNG DẪN

**Một số nội dung về tổ chức lấy phiếu tín nhiệm
tại Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021**

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

1. Đối tượng lấy phiếu tín nhiệm

Căn cứ quy định tại Điều 88 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 63 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân.

Theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội, trường hợp một người đồng thời giữ nhiều chức vụ nêu trên thì việc lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện một lần đối với chức vụ cao nhất. Không lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ quy định tại điểm a và điểm b mục này có thời gian đảm nhiệm chức vụ liên tục chưa đủ 09 tháng, tính đến ngày khai mạc kỳ họp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của Hội đồng nhân dân.

2. Thời hạn, thời điểm tổ chức lấy phiếu tín nhiệm

Điều 7 Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Quốc hội, Hội đồng nhân dân tổ chức lấy phiếu tín nhiệm một lần trong mỗi nhiệm kỳ vào kỳ họp thường lệ cuối năm thứ ba của nhiệm kỳ”. Theo đó, trong nhiệm kỳ 2016-

2021, Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm một lần vào kỳ họp thường lệ cuối năm 2018.

3. Quy trình lấy phiếu tín nhiệm và trách nhiệm của người lấy phiếu tín nhiệm

a) Quy trình lấy phiếu tín nhiệm tại Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và Điều 9 của Nghị quyết số 85/2014/QH13. Riêng đối với Hội đồng nhân dân cấp xã do không thành lập Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thì trước khi tiến hành lấy phiếu tín nhiệm, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc phân chia thành các Tổ để các đại biểu Hội đồng nhân dân trao đổi, thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc lấy phiếu tín nhiệm.

b) Người được lấy phiếu tín nhiệm có trách nhiệm sau đây:

- Chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, người được lấy phiếu tín nhiệm có báo cáo bằng văn bản gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân (theo mẫu gửi kèm).

+ Thời gian báo cáo: tính từ thời điểm được Hội đồng nhân dân bầu.

+ Báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm cần bổ sung nội dung tự đánh giá, kiểm điểm về việc có hay không những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); tự đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

+ Báo cáo có độ dài từ 4 – 5 trang, đánh máy và in trên giấy khổ A4, không kèm theo phụ lục.

+ Kê khai tài sản, thu nhập của người được lấy phiếu tín nhiệm: theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập (theo mẫu gửi kèm).

- Trước ngày lấy phiếu tín nhiệm, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân có yêu cầu thì người được lấy phiếu tín nhiệm có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi

Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có yêu cầu (theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 85/2014/QH13).

4. Hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm

Hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Điều 10 Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội.

5. Kết quả lấy phiếu tín nhiệm

- Việc xác định kết quả lấy phiếu tín nhiệm, tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được sử dụng làm căn cứ để tính tỷ lệ phiếu, nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 17 Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội.

- Việc ban hành Nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

6. Để làm tốt công tác lấy phiếu tín nhiệm, Thường trực Hội đồng nhân dân cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo một số việc sau đây:

(1). Quán triệt sâu sắc, đầy đủ để từng đại biểu Hội đồng nhân dân nắm chắc mục đích, yêu cầu, nội dung, trình tự, thủ tục được quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và bảo đảm để đại biểu nhận thức sâu sắc trách nhiệm thay mặt nhân dân địa phương thực hiện quyền giám sát, đánh giá tín nhiệm đối với các vị được Hội đồng nhân dân bầu một cách thật dân chủ, thận trọng, khách quan, công tâm và chính xác.

(2). Hướng dẫn, yêu cầu các vị được lấy phiếu tín nhiệm chuẩn bị báo cáo để gửi đến từng đại biểu Hội đồng nhân dân; thực hiện việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định, đồng thời trả lời đầy đủ, nghiêm túc các vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân nêu ra.

(3). Việc lấy phiếu tín nhiệm cần được tổ chức chặt chẽ, theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục; bảo đảm để đại biểu Hội đồng nhân dân có đủ thời gian cân nhắc, suy nghĩ thận trọng trước khi ghi phiếu đánh giá tín nhiệm đối với người được lấy phiếu tín nhiệm; kiểm soát tốt tình hình tiếp nhận thông tin, không sử dụng thông tin chưa được kiểm chứng.

(4). Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp cần đặc biệt quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo để việc lấy phiếu tín nhiệm đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra.

(5). Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố khẩn trương tổng hợp kết quả lấy phiếu tín nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã) ngay sau khi hoàn thành việc lấy phiếu tín nhiệm, kịp thời báo cáo kết quả gửi về Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định.

*
* *

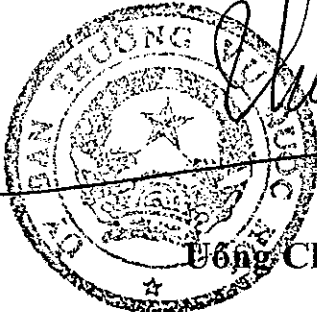
Trên đây là hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kịp thời báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (qua Ban Công tác đại biểu) để thống nhất chỉ đạo, hướng dẫn.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TTHĐND tỉnh, TP (để tổ chức thực hiện);
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để b/c);
- Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Ủy viên UBTVQH;
- Thủ tướng Chính phủ;
- UBTWMTQ Việt Nam;
- Ban Thường vụ tỉnh, thành ủy;
- Ban công tác đại biểu;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ;
- Lưu HC, CTĐB.

E-pas: 766 47


Uông Chu Lưu

KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Năm sinh:
- Chức vụ/ chức danh công tác:
- Cơ quan/ đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản thu nhập

- Họ và tên: Năm sinh:
- Chức vụ/ chức danh công tác:
- Cơ quan/ đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

b) Con thứ hai (trở lên): (kê khai như con thứ nhất)

(Con đã thành niên không phải khai)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Nhà ở, công trình xây dựng: (Người kê khai tự mô tả các loại nhà, công trình xây dựng khác do bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên sở hữu hoặc sở hữu một phần).

a) Nhà ở:

- Nhà thứ 1: (Địa chỉ tại:)
- + Loại nhà: Cấp công trình:
- + Diện tích xây dựng:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- + Thông tin khác (nếu có):
- Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

b) Công trình xây dựng khác:

- Công trình thứ 1: (Địa chỉ tại:)
- + Loại công trình: Cấp công trình:
- + Diện tích xây dựng:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- + Thông tin khác (nếu có):

Người nhận:

Người kê khai:

- Công trình thứ 2 (trở lên): *Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.*

2. Quyền sử dụng đất: *(Người kê khai tự mô tả các loại đất do bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên có quyền sử dụng toàn bộ hoặc một phần).*

a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất: *(Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên).*

+ Địa chỉ:

+ Diện tích:

+ Giá trị:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

+ Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ 2: *(Mô tả như mảnh thứ nhất).*

b) Các loại đất khác: *(Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên)*

- Mảnh thứ nhất: *(Ghi theo từng lô, khoảnh, khuôn viên).*

+ Địa chỉ:

+ Diện tích:

+ Giá trị:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

+ Thông tin khác (nếu có):

- Mảnh thứ 2: *(Mô tả như mảnh thứ nhất).*

3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi các cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

.....
.....

4. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) có tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Ô tô

- Mô tô

- Xe gắn máy

- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác)

- Tàu thủy

- Tàu bay

- Thuyền

- Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký)

.....
.....

5. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Kim loại quý

- Đá quý
- Cổ phiếu
- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh
- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác

6. Các loại tài sản khác mà có giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (như cây cảnh, bộ bàn ghế, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác).

7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.

8. Các khoản nợ gồm: Các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên

9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát sinh, sáng chế, các khoản thu nhập khác.

III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP

Loại tài sản	Tăng/giảm	Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm
1. Nhà ở, công trình xây dựng (tăng, giảm về số lượng, diện tích hoặc thay đổi về cấp nhà, công trình so với kỳ kê khai trước đó): a) Nhà ở: b) Công trình xây dựng khác:		
2. Quyền sử dụng đất (tăng, giảm về số lượng, diện tích, thay đổi loại đất so với kỳ kê khai trước đó): a) Đất ở: b) Các loại đất khác		
3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên		

<p>4. Các loại động sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô tô - Mô tô - Xe gắn máy - Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác) - Tàu thủy - Tàu bay - Thuyền - Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) 		
<p>5. Các loại tài sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim loại quý - Đá quý - Cổ phiếu - Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh - Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên 		
<p>6. Các loại tài sản khác (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác) mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên</p>		
<p>7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.</p>		
<p>8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p>		
<p>9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam</p>		

(Người kê khai tự xác định các loại tài sản tăng, giảm trong kỳ kê khai và giải trình sự tăng, giảm của tài sản thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên).

Ngày nhận bản kê khai tài sản, thu nhập
....., ngày tháng năm

Người nhận bản kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Ngày hoàn thành bản kê khai tài sản, thu nhập
....., ngày tháng năm

Người kê khai tài sản, thu nhập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Người nhận bản kê khai, người kê khai tài sản, thu nhập phải ký trên từng trang của bản kê khai tài sản, thu nhập.
2. Mục nào không có ghi là "không", không được bỏ trống.

Người nhận:

4

Người kê khai:

Số: /CV-HĐND

...(2)...., ngày tháng năm 2018

V/v gửi báo cáo và kê khai tài sản,
thu nhập phục vụ lấy phiếu tín nhiệm
tại kỳ họp thứ ..., HĐND ...

Kính gửi: Đồng chí

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; căn cứ Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội về lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn, Thường trực Hội đồng nhân dân trân trọng đề nghị đồng chí chuẩn bị các nội dung sau đây:

1. Báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm

- Thời gian báo cáo: tính từ thời điểm được Hội đồng nhân dân bầu.
- Nội dung báo cáo: đầy đủ, súc tích về các nội dung theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết 85/2014/QH13 (*mẫu đính kèm*); có độ dài từ 4 – 5 trang, đánh máy và in trên giấy khổ A4.

Báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm cần bổ sung nội dung tự đánh giá, kiểm điểm về việc có hay không những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); tự đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Kê khai tài sản, thu nhập: theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 17 Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập (*theo mẫu đính kèm*).

Trân trọng đề nghị đồng chí hoàn thành các văn bản nêu trên và gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân **trước ngày .../.../2018** để kịp tổng hợp, gửi tới đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HC;

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...(1)..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

CỦA NGƯỜI ĐƯỢC LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM

Tại kỳ họp thứ ... Hội đồng nhân dân ...(2)... khóa... nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi: Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân

- Tôi là:(3).....

- Chức vụ:(4).....

- Đơn vị công tác:

Căn cứ vào Nghị quyết số 85/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn, tôi xin báo cáo như sau:

1. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật đối với các chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu (*nội dung báo cáo đầy đủ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật đối với các chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu*).

.....

2. Tự đánh giá về các nội dung tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

.....

3. Giải trình đầy đủ các nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu (nếu có)

.....

4. Giải trình về ý kiến, kiến nghị của cử tri do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chuyển đến (nếu có)

.....

Người báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên địa danh.

(2) Ghi HĐND tỉnh, huyện hay xã nào.

(3) Ghi rõ họ và tên.

(4) Các chức vụ Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 322 /UBTVQH14-CTĐB

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2018

Tài liệu tham khảo thực hiện
việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người
giữ chức vụ do HĐND bầu

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH	
CÔNG	Số: 2320
VĂN	Ngày: 04/10/2018
ĐẾN	Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội
	PC. IT. 10/10/18

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

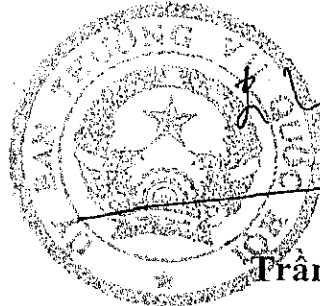
Thực hiện Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân một số địa phương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố bộ tài liệu gồm các văn bản liên quan đến việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm để các địa phương có cơ sở tham khảo trong quá trình triển khai thực hiện.

(Xin gửi các văn bản kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBTVQH (báo cáo);
- Lưu: HC, CTĐB;
- E-pas: 76662

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN



Trần Văn Túy

...(2)...., ngày tháng ... năm 2018

NỘI DUNG CHỦ YẾU

Phiên họp lấy phiếu tín nhiệm theo Nghị quyết số 85/2014/QH13

(Tại kỳ họp thứ ..., HĐND ... (1)... nhiệm kỳ 2016-2021)

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân phát biểu một số vấn đề liên quan trong việc lấy phiếu tín nhiệm;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm tại Kỳ họp thứ ... Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 theo Nghị quyết số 85/2014/QH13 (biểu quyết);

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận tại Tổ. Riêng đối với Hội đồng nhân dân cấp xã do không thành lập Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thì trước khi tiến hành lấy phiếu tín nhiệm, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc phân chia thành các Tổ để các đại biểu Hội đồng nhân dân trao đổi, thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc lấy phiếu tín nhiệm.

Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân gửi Biên bản kết quả thảo luận về Thường trực Hội đồng nhân dân;

4. Thường trực Hội đồng nhân dân nghe Báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận tại Tổ;

5. Thường trực Hội đồng nhân dân Báo cáo trước Hội đồng nhân dân kết quả thảo luận tại Tổ đại biểu;

6. Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày Tờ trình về dự kiến danh sách Ban Kiểm phiếu;

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu;

8. Trưởng Ban kiểm phiếu phổ biến thể lệ và cách thức ghi phiếu tín nhiệm;

9. Đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành ghi phiếu, bỏ phiếu;

10. Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu;

11. Thư ký kỳ họp trình bày dự thảo Nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm;

12. Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua Nghị quyết.

Ghi chú:

(1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.

(2) Tên địa danh.

Số: /TTr-HĐND

...(2)...., ngày tháng ... năm 2018

TỜ TRÌNH

**Về danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm
theo Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội
tại kỳ họp thứ ..., Hội đồng nhân dân(1)... nhiệm kỳ 2016-2021**

Kính gửi: Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân,

Căn cứ Điều 88 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 63 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội về thời điểm lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn quy định Hội đồng nhân dân lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân.

Theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội, trường hợp một người đồng thời giữ nhiều chức vụ thì việc lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện một lần đối với chức vụ cao nhất. Không lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ quy định tại điểm a và điểm b nêu trên có thời gian đảm nhiệm chức vụ liên tục chưa đủ 09 tháng, tính đến ngày khai mạc kỳ họp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của Hội đồng nhân dân.

(Nếu có trường hợp cụ thể cần giải thích thì báo cáo, giải trình rõ trước Hội đồng nhân dân).

Thường trực Hội đồng nhân dân xin trình danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm tại kỳ họp thứ ..., Hội đồng nhân dân ...(1).... nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

1. Ông (bà) Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
2. Ông (bà) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

3. Ông (bà) Trưởng Ban ... của Hội đồng nhân dân;
4. Ông (bà) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh);
5. Ông (bà) Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
6. Ông (bà) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
7. Ông (bà) Ủy viên Ủy ban nhân dân;
-

Kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định Danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm tại kỳ họp thứ ..., Hội đồng nhân dân ...(1)... nhiệm kỳ 2016-2021.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các ông (bà) được HĐND lấy phiếu tín nhiệm;
- Lưu VT.

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh nơi đóng trụ sở.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐND

....(2)...., ngày tháng ... năm 2018

TỜ TRÌNH

**Về danh sách Ban kiểm phiếu lấy tín nhiệm đối với người giữ chức vụ
do Hội đồng nhân dân bầu tại kỳ họp thứ ..., nhiệm kỳ 2016-2021**

Kính thưa các vị đại biểu Hội đồng nhân dân,

Theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 85/2014/QH13 về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn và Điều 63 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Tại kỳ họp này, Hội đồng nhân dân đã biểu quyết thông qua danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm. Để tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm bằng bỏ phiếu kín, xin trình Hội đồng nhân dân dự kiến Danh sách Ban kiểm phiếu gồm các công, bà có tên sau đây:

1. Ông (bà)....., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ; Trưởng Ban kiểm phiếu.
2. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
3. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
4. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
5. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
6. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên

.....

Xin trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh.

BAN KIỂM PHIẾU

...(2)...., ngày tháng ... năm 2018

PHÁT BIỂU CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Kính thưa chủ tọa phiên họp,

Thay mặt Ban kiểm phiếu, tôi xin báo cáo với Hội đồng nhân dân việc tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu theo Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội tại kỳ họp thứ ... Hội đồng nhân dân ...(1)... nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

1. Về Phiếu tín nhiệm

- Phiếu tín nhiệm được chuẩn bị thành ... loại theo từng chức vụ hoặc nhóm chức vụ mà Hội đồng nhân dân ...(1)... nhiệm kỳ 2016-2021 đã bầu. Mỗi phiếu in trên giấy có màu khác nhau. Trên từng phiếu đã ghi rõ họ tên, chức vụ của người được lấy phiếu kèm theo các ô tương ứng với ba mức độ tín nhiệm (tín nhiệm cao, tín nhiệm, tín nhiệm thấp), cụ thể như sau:

1- Phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

2- Phiếu tín nhiệm đối với các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân; Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh);

3- Phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

4- Phiếu tín nhiệm đối với các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân;

- Phía trên, bên trái của mỗi phiếu được đóng dấu Hội đồng nhân dân.

2. Trường hợp phiếu sau đây là không hợp lệ:

a) Phiếu không theo mẫu do Ban kiểm phiếu phát ra;

b) Phiếu không xác định mức độ tín nhiệm hoặc lựa chọn nhiều hơn một mức độ tín nhiệm;

Trường hợp phiếu ghi tên 2 từ người trở lên mà phần thể hiện mức độ tín nhiệm đối với một người không hợp lệ thì chỉ xác định không hợp lệ đối với người đó; kết quả thể hiện mức độ tín nhiệm đối với những người còn lại trong danh sách vẫn hợp lệ.

Trường hợp phiếu có ghi thêm tên của người ngoài danh sách đã có trong phiếu do Ban kiểm phiếu phát ra thì phần ghi thêm đó không có giá trị; kết quả thể hiện mức độ tín nhiệm đối với những người còn lại trong danh sách vẫn hợp lệ.

3. Về đánh dấu phiếu và bỏ phiếu

Sau khi nhận phiếu, đại biểu thể hiện chính kiến về mức độ tín nhiệm của mình bằng cách đánh dấu (X) vào một trong 3 ô là “tín nhiệm cao” hoặc “tín nhiệm” hoặc “tín nhiệm thấp” được in sẵn trên phiếu; nếu cần, đại biểu đổi lại phiếu với Ban kiểm phiếu.

BAN KIỂM PHIẾU

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh nơi đóng trụ sở.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
..(1)....
NHIỆM KỲ 2016 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)...., ngày ... tháng ... năm 2018

KỶ HỌP THỨ...
(Đóng dấu của HDND)

PHIẾU TÍN NHIỆM
Đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân ...
(Đại biểu thể hiện ý kiến của mình bằng cách đánh dấu x
vào một trong ba ô mức độ tín nhiệm)

STT	Họ và tên	Chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu	Mức độ tín nhiệm		
			Tín nhiệm cao	Tín nhiệm	Tín nhiệm thấp

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
..(1)....
NHIỆM KỲ 2016 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KỶ HỢP THỨ ...
(Đóng dấu của HĐND)

.....(2)...., ngày ... tháng ... năm 2018

PHIẾU TÍN NHIỆM

Đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân (đối với cấp tỉnh)
(Đại biểu thể hiện ý kiến của mình bằng cách đánh dấu x vào một trong ba ô mức độ tín nhiệm)

STT	Họ và tên	Chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu	Mức độ tín nhiệm		
			Tín nhiệm cao	Tín nhiệm	Tín nhiệm thấp
1	(3)	(4)			
2					
3					
4					
....					

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh.
- (3) Ghi rõ họ và tên.
- (4) Các chức vụ tương ứng với phạm vi những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu ghi trên tên phiếu.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
..(1)....
NHIỆM KỲ 2016 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)...., ngày ... tháng ... năm 2018

KỶ HỌP THỨ ...
(Đóng dấu của HĐND)

PHIẾU TÍN NHIỆM
Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân
(Đại biểu thể hiện ý kiến của mình bằng cách đánh dấu x
vào một trong ba ô mức độ tín nhiệm)

STT	Họ và tên	Chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu	Mức độ tín nhiệm		
			Tín nhiệm cao	Tín nhiệm	Tín nhiệm thấp

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
..(1)....
NHIỆM KỲ 2016 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)...., ngày ... tháng ... năm 2018

KỶ HỌP THỨ ...
(Đóng dấu của HĐND)

PHIẾU TÍN NHIỆM

Đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân ...
(Đại biểu thể hiện ý kiến của mình bằng cách đánh dấu x
vào một trong ba ô mức độ tín nhiệm)

STT	Họ và tên	Chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu	Mức độ tín nhiệm		
			Tín nhiệm cao	Tín nhiệm	Tín nhiệm thấp
1	(3)	(4)			
2					
3					
4				

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh.
- (3) Ghi rõ họ và tên.
- (4) Các chức vụ tương ứng với phạm vi những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu ghi trên tên phiếu.

BAN KIỂM PHIẾU

...(2)..., ngày ... tháng ... năm 2018

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**Kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ
do Hội đồng nhân dân bầu**

Ngày tháng năm 2018, Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm:

1. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ; Trưởng Ban kiểm phiếu.
2. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
3. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
4. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
5. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên
6. Ông (bà)...., đại biểu Hội đồng nhân dân Tổ, Ủy viên

.....

Đã tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản xác định kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với ... người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu. Cụ thể như sau:

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân :
- Số đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt:

KẾT QUẢ CỤ THỂ NHƯ SAU:

1. Ông (bà) ..., Chủ tịch Hội đồng nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

2. Ông (bà) ..., Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

3. Ông (bà) ..., Trưởng Ban kinh tế và ngân sách, Hội đồng nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

4. Ông (bà) ..., Trưởng Ban văn hóa – xã hội, Hội đồng nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

5. Ông (bà) ..., Trưởng Ban pháp chế, Hội đồng nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

6. Ông (bà) ..., Trưởng Ban dân tộc, Hội đồng nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

7. Ông (bà) ..., Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh)

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

8. Ông (bà) ..., Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

9. Ông (bà) ..., Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

10. Ông (bà) ..., Ủy viên Ủy ban nhân dân

- + Số phiếu hợp lệ :
- + Số phiếu không hợp lệ :
- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

.....

Biên bản này được lập thành 03 bản vào hồi ... giờ cùng ngày và đã thông qua các thành viên trong Ban kiểm phiếu.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

Ghi chú:

- (1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.
- (2) Tên địa danh nơi đóng trụ sở.

Số: /2018/NQ/HĐND

Tình huống 1

NGHỊ QUYẾT
XÁC NHẬN KẾT QUẢ LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI
GIỮ CHỨC VỤ DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN BẦU

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN(1).....
Kỳ họp thứ ..., nhiệm kỳ 2016-2021

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu ngày ... tháng ... năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kỳ họp thứ ..., Hội đồng nhân dân(1).....nhiệm kỳ 2016-2021 đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với ... người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu (*đánh giá công tác chuẩn bị, việc gửi báo cáo, tài liệu, trách nhiệm giải trình*).

Điều 2.

Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm như sau:

1. Ông (bà) ..., Chủ tịch Hội đồng nhân dân

+ Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

2. Ông (bà) ..., Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

+ Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

3. Ông (bà) ..., Trưởng Ban

+ Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

4. Ông (bà) ..., Trưởng Ban

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

5. Ông (bà) ..., Trưởng Ban.....

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

6. Ông (bà) ..., Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh)

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

7. Ông (bà) ..., Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

8. Ông (bà) ..., Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

9. Ông (bà) ..., Ủy viên Ủy ban nhân dân

.....

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ ... Hội đồng nhân dân ...(1)... nhiệm 2016-2021 thông qua ngày ... tháng ... năm 2018.

CHỦ TỊCH

Ghi chú:

(1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.

Số: /2018/NQ/HĐND

Tình huống 2

NGHỊ QUYẾT
XÁC NHẬN KẾT QUẢ LẤY PHIẾU TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI
GIỮ CHỨC VỤ DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN BẦU

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN ... (1) ...
Kỳ họp thứ ... nhiệm kỳ 2016-2021

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu ngày ... tháng ... năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kỳ họp thứ ..., Hội đồng nhân dân ... (1) ... nhiệm kỳ 2016-2021 đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với ... người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu (*đánh giá công tác chuẩn bị, việc gửi báo cáo, tài liệu, trách nhiệm giải trình*). Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm như sau:

1. Ông (bà) ..., Chủ tịch Hội đồng nhân dân

+ Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

2. Ông (bà) ..., Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

+ Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

+ Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

4. Ông (bà) ..., **Trưởng Ban**

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

5. Ông (bà) ..., **Trưởng Ban**

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

6. Ông (bà) ..., **Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân**

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

7. Ông (bà) ..., **Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

8. Ông (bà) ..., **Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân**

- + Số phiếu tín nhiệm cao : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : ... phiếu (chiếm ...% tổng số đại biểu HĐND).

9. Ông (bà) ..., **Ủy viên Ủy ban nhân dân**

.....

Điều 2 (nếu có trường hợp có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đánh giá “tín nhiệm thấp”)

Những người sau đây có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đánh giá “tín nhiệm thấp”:

1. Ông (bà)
2. Ông (bà)
3. Ông (bà)

Điều 3 (nếu có trường hợp có quá hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đánh giá “tín nhiệm thấp”)

Tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm đối với các ông (bà) ... tại kỳ họp thứ ... Hội đồng nhân dân ...(1)... , nhiệm kỳ 2011-2016 vì có trên hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đánh giá “tín nhiệm thấp”.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ ... Hội đồng nhân dân ...(1)... nhiệm 2016-2021, thông qua ngày ... tháng ... năm 2018.

CHỦ TỊCH

Ghi chú:

(1) Cấp đơn vị hành chính và tên địa phương.